

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14- AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vành Si Tha
- Ông Mai Văn Tài

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- An Giang: Ông Châu PhoLy, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 391/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Phạm Văn B*, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 12, ấp TD, xã C tỉnh A (xin xét xử vắng mặt); CCCD số: 089078018875;

2. Bị đơn: *Trần Thị L*, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 12, ấp TD, xã C, tỉnh A (vắng mặt); CCCD số: 089185019996.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 01/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Văn B trình bày:

Ông B và bà L có thời gian quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau tiến đến hôn nhân, có thực hiện đăng ký kết hôn ngày 08/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, tình cảm hiện tại không còn ông B khởi kiện ly hôn với bà L.

Về con chung có 03 con chung tên Phạm Công H, sinh ngày 13/02/2001, Phạm T T, sinh ngày 11/10/2003 và Phạm Trần T V, sinh ngày 07/5/2015, hiện H và T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, ông B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Trần TV và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trần Thị L vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- An Giang phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống năm 2005 có đăng ký kết hôn hợp pháp, do mâu thuẫn tính tình không phù hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bỏ mặc nhau tự sống, mâu thuẫn giữa ông B và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung có 03 con chung tên Phạm Công H, sinh ngày 13/02/2001, Phạm T T, sinh ngày 11/10/2003 và Phạm Trần TV, sinh ngày 07/5/2015, hiện H và T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, ông B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Trần TV và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ đề nghị chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 01 tháng 7 năm 2025 ông Phạm Văn B có đơn yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị L, bà L cư trú tại tổ 12, ấp Tân Đức, xã C, tỉnh A. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập lên làm việc nhưng nhiều lần vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 30/9/2025 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 391/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2025 và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do, riêng nguyên đơn vắng

mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hôn nhân giữa ông B và bà L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T vào năm 2005** là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa ông B và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, ông B yêu cầu được ly hôn với bà L. Xét thấy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa ông B và bà L đã trầm trọng đến mức ông B và bà L tuy sống chung nhà nhưng lại bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự yêu thương, chia sẻ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho không khí trong gia đình mỗi ngày càng thêm căng thẳng, thường xuyên cãi nhau trong suốt thời gian dài.

Tình trạng hôn nhân giữa ông B và bà L có kéo dài cũng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể đạt được, ông B yêu cầu ly hôn, bà L lại liên tục vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án, không tạo cơ hội để hòa giải với ông B tìm cách duy trì, hàn gắn lại tình cảm hôn nhân. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông B được ly hôn với bà L là có căn cứ.

[3] Về con chung: Ông B và bà L có 03 con chung tên Phạm Công H, sinh ngày 13/02/2001, Phạm TT, sinh ngày 11/10/2003 và Phạm Trần TV, sinh ngày 07/5/2015, hiện H và T đã trưởng thành nên không xem xét; riêng TV ông B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của ông B là có căn cứ, tuy con chung thể hiện nguyện vọng không muốn ba mẹ ly hôn, muốn được sống chung với cả ba mẹ nhưng việc duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà L trong trường hợp này là không thể nên cần phải giải quyết vấn đề về nuôi con chung, do bà L vắng mặt không thể hiện ý kiến về vấn đề hôn nhân và con chung, ông B lại tha thiết muốn nuôi dưỡng con chung nên việc giao con chung cho ông B nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Ông Phạm Văn B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn B. Ông Phạm Văn B được ly hôn với bà Trần Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 10/8/2005 của Ủy ban nhân dân xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (nay là xã Cô Tô, tỉnh An Giang) không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Phạm Văn B được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Trần Tường Vy, sinh ngày 07/5/2015. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống chung với bà ông B, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của ông B.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, Ông B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp bà L lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Ông Phạm Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000311 ngày 01-8-2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang. Ông Phạm Văn B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV 14- An Giang;
- Phòng THADS KV 14- An Giang;
- UBND xã C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

